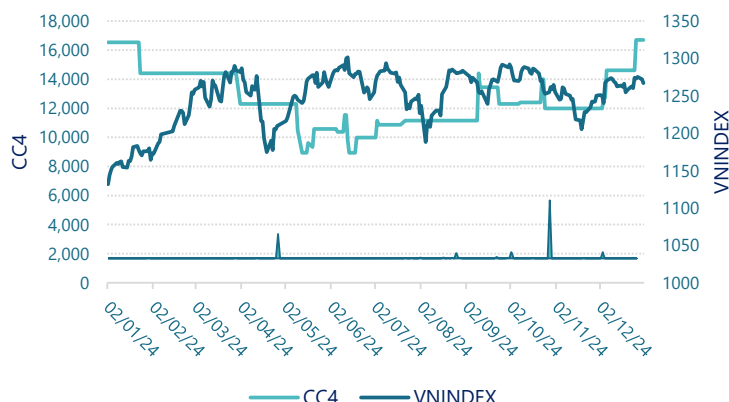


CTCP Đầu tư và Xây dựng số 4 (UPCOM: CC4)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	16,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,937
SL cổ phiếu LH	64,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,069
P/E	54.7
EPS	305

DT thuần

Q4/24

274

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 133 | 94.5%

YoY: ▼182 | -39.8%

LN sau thuế

Q4/24

6.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.62 | 31.9%

YoY: ▼19.0 | -73.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.3%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2024

938

tỷ VNĐ

YoY: ▼475 | -33.7%

LN sau thuế

2024

36.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.8 | -33.8%

ROE

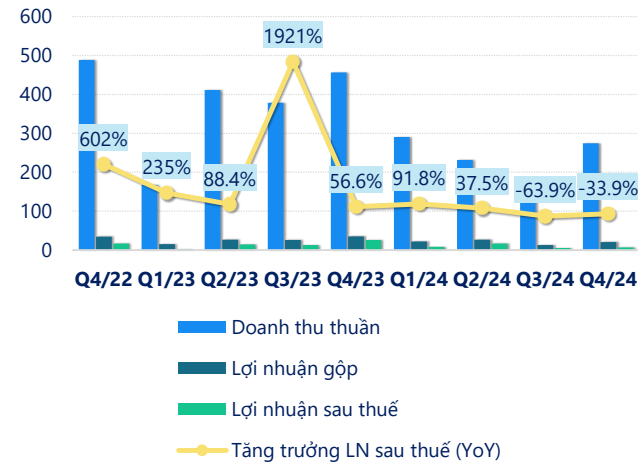
2024

2.3%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

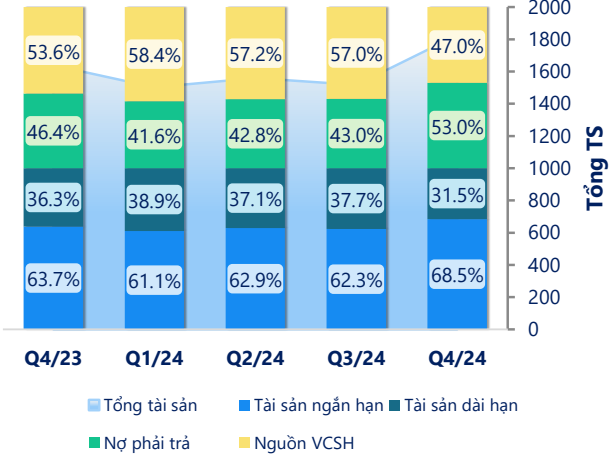
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

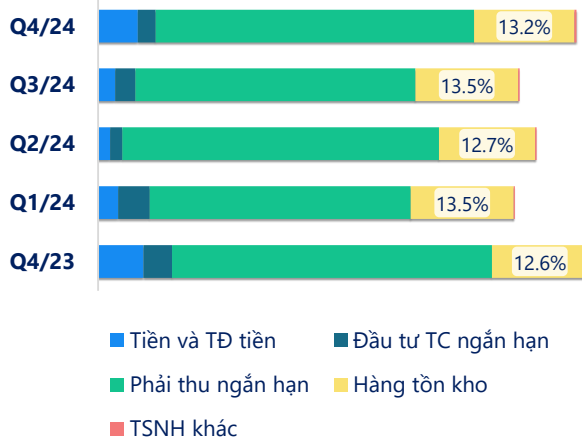
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



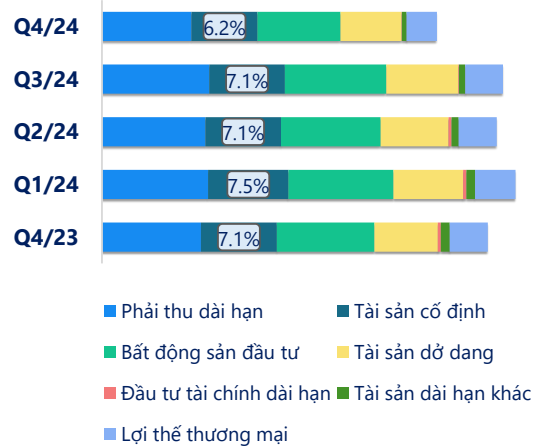
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

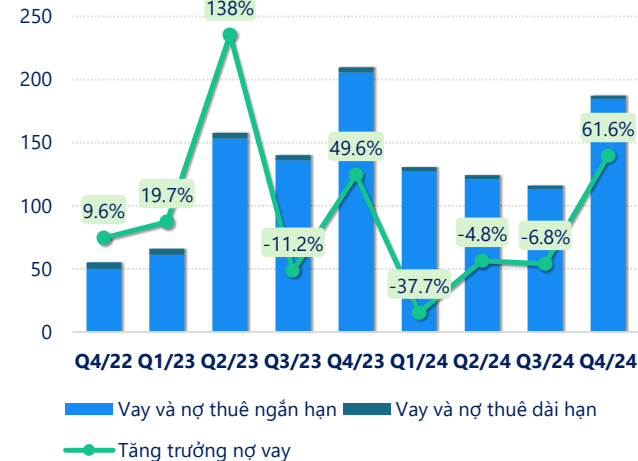
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

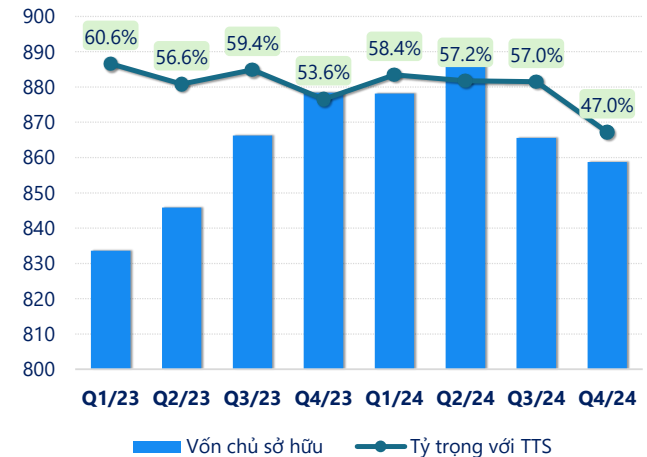
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

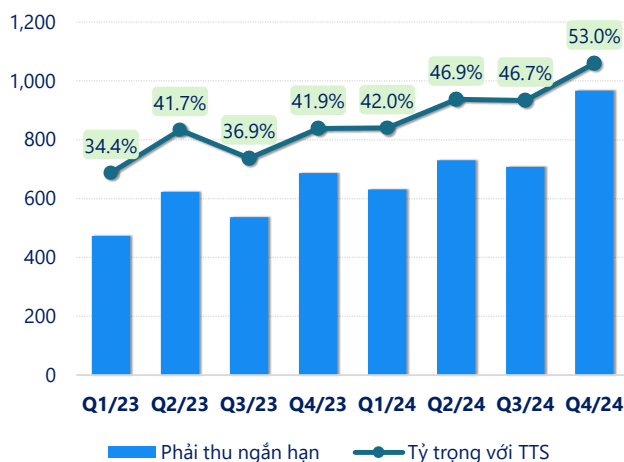
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



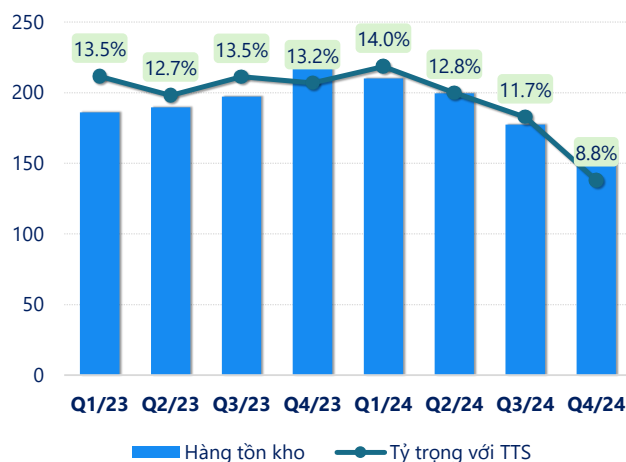
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


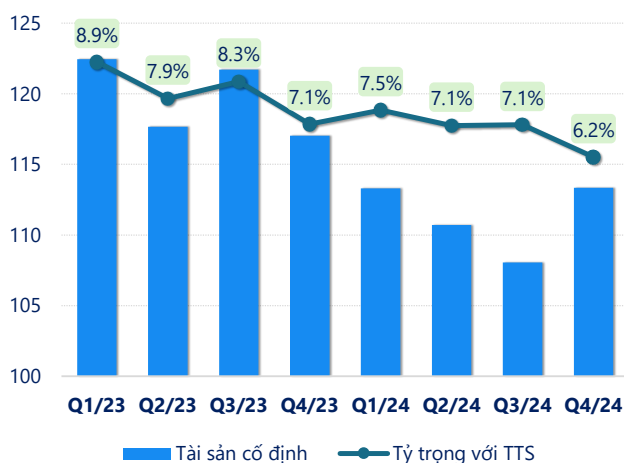
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


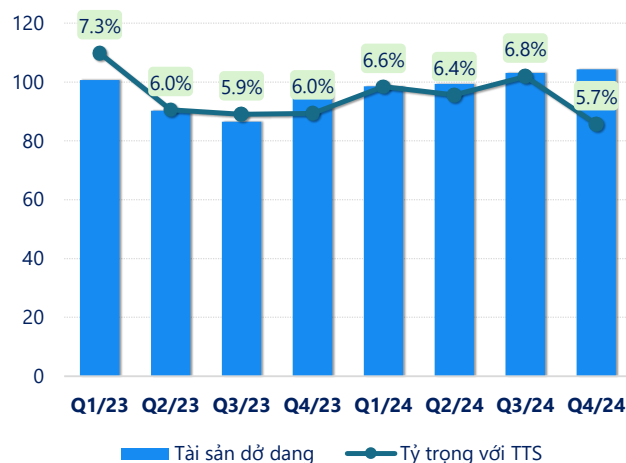
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

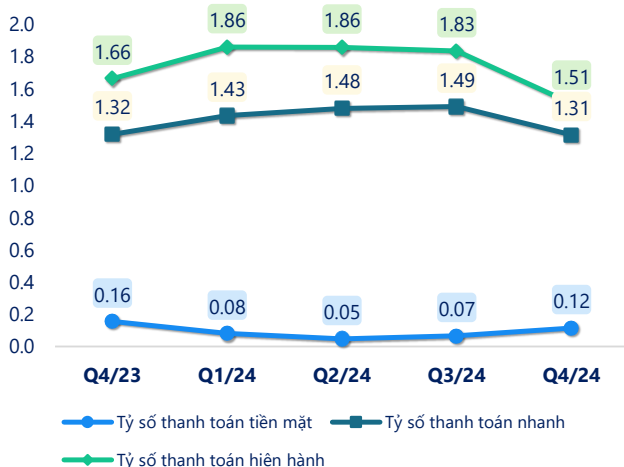
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

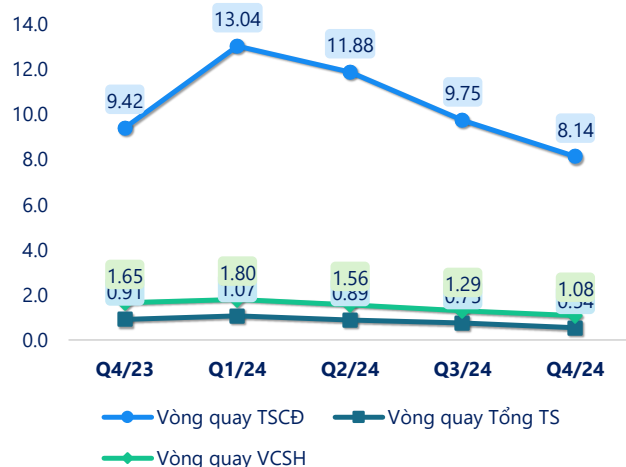
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,639	1,503	1,559	1,517	1,825
Tài sản ngắn hạn	1,044	918	980	945	1,250
Tiền và tương đương tiền	97.6	39.8	25.0	34.2	95.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.8	34.8	24.8	24.8	24.8
Phải thu ngắn hạn	687	631	731	708	967
Hàng tồn kho	217	210	200	177	161
Tài sản ngắn hạn khác	4.24	2.38	0.60	0.65	1.51
Tài sản dài hạn	595	584	579	572	575
Phải thu dài hạn	152	150	152	153	154
Tài sản cố định	117	113	111	108	113
Bất động sản đầu tư	150	148	146	145	143
Tài sản dở dang	97.7	98.6	99.3	103	104
Đầu tư tài chính dài hạn	4.62	4.62	4.62	0.62	0.62
Tài sản dài hạn khác	13.7	12.1	10.3	8.85	8.31
Lợi thế thương mại	58.9	57.3	55.6	53.9	52.3
Nợ phải trả	760	624	667	652	967
Nợ ngắn hạn	628	494	528	515	828
Vay và nợ thuê ngắn hạn	206	127	121	113	185
Phải trả người bán ngắn hạn	282	264	276	253	332
Nợ dài hạn	133	131	139	137	138
Vay và nợ thuê dài hạn	4.01	3.66	3.16	2.61	2.56
Nguồn vốn chủ sở hữu	878	878	893	866	859
Vốn chủ sở hữu	878	878	893	866	859
Vốn điều lệ	640	640	640	640	640
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)